

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50 /2017/HSST
Ngày: 28-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Hiếu.

Bà Lò Thủy Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Minh Thắng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 54/2017/HSST ngày 13 tháng 12 năm 2017, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2017/HSST-QĐXX ngày 18 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Vàng A B, tên gọi khác: Không; sinh năm 1992, tại Điện Biên; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Bản Nà Pen 2, xã Nà Nhạn, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; chỗ ở: Bản Nà Pen 2, xã Nà Nhạn, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: H'mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Giàng A T, đã chết; bố dượng: Vàng Nhà T1, sinh năm 1960 và con bà Chá Thị C, sinh năm 1968; có vợ: Chá Thị D, sinh năm 1995 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/10/2017 đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Vàng A A, sinh năm 1997.

Trú tại: Bản Nà Pen 3, xã Nà Nhạn, huyện Đ, tỉnh Điện Biên

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Đặng Văn L, sinh năm 1994.

Trú tại: Đội 26, xã Thanh Nưa, huyện Đ, tỉnh Điện Biên

(Bị hại có mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có lý có)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên

tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 07/10/2017 Vàng A B đi bộ một mình từ nhà ở bản Nà Pen 2, xã Nà Nhạn, huyện Đ để đi thăm nương. Khoảng 15 giờ cùng ngày khi B đi đến đỉnh đèo gần tượng đài kéo pháo thuộc bản Nà Nhạn 2, xã Nà Nhạn, huyện Đ thì thấy có 03 chiếc xe mô tô dựng ở vệ đường. Quan sát xung quanh không có ai trông coi, B đã nảy sinh ý định lấy trộm xe làm phương tiện đi lại B đến gần chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B1-496.76 (là xe của Vàng A A, sinh năm 1997, trú tại bản Nà Pen 3, xã Nà Nhạn, huyện Đ) thì thấy có một chiếc túi vải màu đỏ treo ở trên đầu xe. B thò tay vào túi thấy có một chiếc tua vít cán màu đen nên đã lấy ra, cây hờ nắp đèn pha của xe mô tô làm lộ ra ba sợi dây điện có các màu xanh, đỏ, đen. B tiếp tục dùng tua vít chọc vào khe hờ của đèn pha rồi giật mạnh làm đứt các đầu nổi của dây điện bên trong để mở khóa xe. Tiếp đó B đạp cho xe nổ máy rồi điều khiển xe đi về hướng thành phố Đ. Khi xuống đến phường Nam Thanh, thành phố Đ thì dừng xe trước cửa quán mua bán xe máy cũ có tên (Lâm Huyền). Sau khi xem xe B chọn một chiếc xe trong quán có biển kiểm soát 27AA-01150 và hỏi chủ quán là Đặng Văn L, sinh năm 1994, trú tại: Đội 26, xã Thanh Nưa, huyện Đ xem có đổi xe này lấy xe của Bấy đang đi không, Lâm đồng ý đổi xe và không phải các thêm tiền. L hỏi giấy tờ xe thì B nói: “Đi làm công trình nên rơi mất hết giấy tờ rồi” và khẳng định là xe chính chủ. L đã đồng ý đổi sang ngang xe mô tô biển kiểm soát 27B1-496.76 của B lấy xe mô tô biển kiểm soát 27AA-011.50 của L và viết giấy tờ đổi xe xong đưa cho B giấy đăng ký xe mô tô của L. B nói dối tên là Vừ A C rồi cùng L ký tên vào Hợp đồng bán xe máy cũ. Sau khi nhận xe B điều khiển xe mô tô đi đến khu vực bến xe khách tỉnh Điện Biên thì bị Công an phường Thanh Bình, thành phố Đ kiểm tra giấy tờ xe mô tô và đưa B về Công an Phường để làm rõ sau đó chuyển đến Công an huyện Đ để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa bị cáo Vàng A B đã khai nhận lại toàn bộ hành vi phạm tội của mình . Mọi lời khai hoàn toàn phù hợp với nội dung vụ án đã nêu trên và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như đơn trình báo của người bị hại; Kết luận định giá tài sản; Các bản cung có trong hồ sơ vụ án; Kết luận điều tra; Cáo trạng truy tố.

Kết luận định giá tài sản số 44/KL-ĐG ngày 09/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ đã kết luận: 01 xe mô tô 02 bánh nhãn hiệu ESPERO màu đen, biển kiểm soát 27B1-496.76 giá trị 12.000.000đ; 01 chiếc ốp nhựa đèn pha giá trị 80.000đ. Tổng cộng 12.080.000đ (mười hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng). Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về kết luận định giá nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 02/QĐ-VKS-HS ngày 13/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999. Tại phiên tòa trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội

đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Xử phạt bị cáo mức án từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Căn cứ Khoản 2 Điều 41, khoản 1 Điều 42/BLHS, Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự, bị cáo phải bồi thường cho Vàng A Anh số tiền là 80.000đ (tám mươi nghìn đồng). Căn cứ Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án áp dụng cho bị cáo. Gia đình bị cáo được cấp giấy chứng nhận hộ nghèo số 393/UBND-GN do Ủy ban nhân dân xã Nà Nhạn cấp ngày 01/01/2017, nên bị cáo Vàng A B được miễn 200.000đ án phí hình sự sơ và 300.000đ án phí DSST. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát, không có ý kiến gì tranh luận.

Người bị hại Vàng A A có mặt tại phiên tòa có ý kiến, A đã nhận lại tài sản là chiếc xe máy BKS 27B1-496.76, nhưng vẫn phải mang đi sửa chữa do vậy đề nghị bị cáo phải bồi thường cho A 200.000đ, đó là tiền chi phí cho việc sửa chữa chiếc xe máy bị hỏng. Ngoài ra A không đề nghị bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền gì khác. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí với đề nghị của người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường 200.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Văn L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, L đã nhận lại được toàn bộ tài sản là chiếc xe mô tô 27AA-011.50, L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào khác và không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án xét xử bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố và các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng huyện Đ và những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng như: Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng đã được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì, không khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật và được chấp nhận.

[2]. Hành vi của bị cáo được chứng minh như sau: Khoảng 15 giờ ngày 07/10/2017, tại khu đỉnh đèo gần tượng đài kéo pháp thuộc bản Nà Nhạn 2, xã Nà Nhạn, huyện Đ, thấy có 03 chiếc xe mô tô dựng ở vệ đường, quan sát xung quanh không có ai trông coi, B đã nảy sinh ý định lấy trộm xe, B đã đến gần chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B1-496.76 là xe của Vàng A A, giá trị 12.000.000đ (mười hai triệu đồng). Mục đích chiếm đoạt tài sản trên để làm phương tiện đi lại. Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện một cách cố ý, tội phạm đã hoàn thành. Với giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp đã đủ yếu tố cấu thành thành tội "Trộm cắp tài sản" thuộc khoản 1 Điều 138/BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm và hình phạt đối với hành vi phạm tội của mình.

[3]. Về tính chất, mức độ gây nguy hiểm cho xã hội thấy rằng: Xét thấy hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Vàng A B đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây thiệt hại về tài sản cho các chủ sở hữu, làm ảnh hưởng đến nền trật tự trị an, an toàn trong xã hội.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết nào tăng nặng nào. Vàng A B từ nhỏ sống với bố mẹ, năm 02 tuổi bố đẻ của bị cáo chết, mẹ bị cáo lấy chồng mới, bị cáo lấy theo họ của bố dượng. Bị cáo được gia đình nuôi ăn học đến hết lớp 9/12 thì bỏ học ở nhà tham gia lao động sản xuất cùng gia đình. Năm 2009 bị cáo lấy vợ là Chá Thị D và sinh được 02 người con. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Từ những phân tích nêu trên cho thấy để nhằm răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, HĐXX xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện tu dưỡng rèn luyện bản thân, trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, song xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bản thân bị cáo nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định. Do vậy HĐXX không áp dụng các hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Đặng Văn L là người đã đổi xe cho bị cáo, L có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, chiếc xe mô tô mà L đã đổi sang ngang cho bị cáo có biển kiểm soát 27AA-011.50, cơ quan Công an đã thu giữ và trả lại cho L, L không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, bản thân L không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Nên cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý đối với L. Nên Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp và không đặt vấn đề xử lý đối với L.

[7]. Chiếc tua vít cán màu đen bị cáo dùng để làm công cụ phạm tội, chiếc tua vít này là của Vàng A A, nên cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu và những tài sản gồm có 01 chiếc túi vải màu đỏ đã cũ, đã qua sử dụng, 01 vít vặn ốc đã cũ, đã qua sử dụng, 03 cờ lê đã cũ, đã qua sử dụng là tài sản của người bị hại, nên cơ quan Công an đã thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu. Nên Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo trộm cắp của anh Vàng A A là chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu SPERO màu sơn đen, BKS 27B1 – 496.76, trị giá 12.000.000đ, Cơ quan Điều tra Công an huyện Đ đã trao trả lại cho chủ sở hữu. A Vàng A A là người bị hại có mặt tại phiên tòa, anh yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh số tiền là 200.000đ tiền sửa xe. Tại phiên Tòa bị cáo nhất trí bồi thường cho anh A số tiền 200.000đ. Xét thấy sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật. HĐXX xét thấy là phù hợp theo qui định tại Khoản 2 Điều 41; Khoản 1 Điều 42/BLHS và Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự.

[8]. Án phí: Căn cứ vào Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án áp dụng cho bị cáo. Gia đình bị cáo được cấp giấy chứng nhận hộ nghèo số 393/UBND-GN do Ủy ban nhân dân xã Nà Nhạn cấp ngày 01/01/2017, nên bị cáo Vàng A B được miễn 200.000đ án phí hình sự sơ và 300.000đ án phí DSST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 138; điểm p, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2009).

1. Tuyên bố: Bị cáo Vàng A B phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Xử phạt bị cáo Vàng A B 09 (chín) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam ngày 09/10/2017. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3. Áp dụng Khoản 2 Điều 41; Khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2009); Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự.

- Bị cáo phải trả cho anh Vàng A A số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

- Chấp nhận biên bản về việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu của Công an huyện Đ vào ngày 21/10/2017 gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, biển kiểm soát 27B1-496.76, màu đen, số khung RPEXCE9PEGA012118, số máy VDEJQ152FMJ012118, xe cũ đã qua sử dụng, 01 chiếc túi vải màu đỏ đã cũ, đã qua sử dụng, 01 chiếc tua vít có cán màu đen, đã cũ, đã qua sử dụng, 01 vít vặn ốc đã cũ, đã qua sử dụng, 03 cờ lê đã cũ, đã qua sử dụng.

- Chấp nhận biên bản về việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu của Công an huyện Đ vào ngày 21/10/2017 gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu FIYAMAHA, màu anh - đen – trắng, biển kiểm soát 27AA – 011.50, số khung RR6DCB7UMFT804452, số máy VZS139MB804452, xe đã cũ đã qua sử dụng.

- Chấp nhận sự tự nguyện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào khác.

Kể từ ngày anh Vàng A A có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo không tự nguyện thi hành đối với khoản tiền phải bồi thường, thì bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Án phí: Căn cứ vào Điều 99 của bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án áp dụng cho bị cáo. Gia đình bị cáo được cấp giấy chứng nhận hộ nghèo số 393/UBND-GN do Ủy ban nhân dân xã Nà Nhạn cấp ngày 01/01/2017, nên bị cáo Vàng A B được miễn 200.000đ án phí hình sự sơ và 300.000đ án phí DSST.

Căn cứ điều 26 Luật thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/12/2017. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính. /.

Nơi nhận:

- VKSND huyện ĐB;
- Bị cáo
- Bị hại
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Phòng HSNV
- Công an trại giam;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- L- u hồ sơ vụ án;
- HS Thi hành án HS;
- Chi cục Thi hành án DS huyện ĐB.
- TAND tỉnh ĐB;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thanh Thủy

